TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị X**, sinh năm 1989

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

2. Bị đơn: Anh **Tiêu Hà T**, sinh năm 1984

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị X ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị X trình bày: Chị và anh Tiêu Hà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã C), huyện T,

tỉnh Hải Dương ngày 25/02/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu trí làm ăn, chơi bời, chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không thay đổi, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2018 chị đi lao động tại Nhật Bản, do bất đồng từ trước nên mỗi lần liên lạc về nhà anh chị lại xảy ra tranh cãi, không nói chuyện được với nhau. Năm 2023 anh T đi lao động tại Đài Loan - Trung Quốc, từ đó vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Ngày 31/01/2025, chị được về nghỉ phép và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tiêu Hà T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tiêu Thị Hà N, sinh ngày 15/9/2009 và Tiêu Hà H, sinh ngày 02/7/2012. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Nhật Bản nên chị ủy quyền cho bà Vũ Thị Tân T2 chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chăm sóc cháu Tiêu Thị Hà N và cháu Tiêu Hà H trong thời gian chị ở nước ngoài, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị X không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Ông Tiêu Hà T3 (là bố đẻ anh T) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Anh T có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị X xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị X trình bày là đúng, hiện các con đang ở với bà Vũ Thị T1. Anh nhất trí để chị X chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị X không có mặt tại Việt Nam, anh nhất trí giao các con cho bà T1 chăm sóc cho đến khi chị X về nước. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Vũ Vũ Thị T1 là mẹ đẻ chị X trình bày: Bà nhất trí nhận ủy quyền của chị X, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị X biết, chị X vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Đồng thời bà có trách nhiệm chăm sóc, cháu Tiêu Thị Hà N và Tiêu Hà H cho đến khi chị X về nước.

Con chung của chị X, anh T là cháu Tiêu Thị Hà N và Tiêu Hà H có nguyện vọng được ở với chị X và bà T1.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị X, anh T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh T. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên có xảy ra mâu thuẫn. Năm 2018 chi X đi lao động tại Nhật Bản, sau đó mấy năm anh T cũng đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi nên không có sự quan tâm tới nhau. Nay chị X có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Hoàng Thị X ly hôn anh Tiêu Hà T; về con chung: Giao con chung Tiêu Thị Hà N và Tiêu Hà H cho chị X nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Anh Trong không phải cấp dưỡng cho con. Tạm giao cháu Tiêu Thị Hà N và Tiêu Hà H cho bà Vũ Thị T1 chăm sóc cho đến khi chị X về Việt Nam. Chị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị X và bị đơn anh Tiêu Hà T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện chị X đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản, anh T4 đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan-Trung Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị X không có mặt ở Việt Nam nhưng thời gian về nghỉ phép chị đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho bà Vũ Thị T1 nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu của chị đã được UBND xã C chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà chị X giao nộp đúng là ý chí, nguyện vọng của chị. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị X và anh Tiêu Hà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã C), huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 25/02/2008 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị X và anh T chủ yếu là do anh chị bất đồng

quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau và không có tiếng nói chung. Năm 2018 chị X đi lao động tại Nhật Bản, năm 2023 anh T đi lao động tại Đài Loan - Trung Quốc, vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm và sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị X xin ly hôn, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị X được ly hôn anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị X, anh T có 02 con chung là Tiêu Thị Hà N, sinh ngày 15/9/2009 và Tiêu Hà H, sinh ngày 02/7/2012. Các con chung của chị X, anh T đều có nguyện vọng ở với chị X và bà T1. Hiện nay cả chị X và anh T đều ở nước ngoài, các con chung đang ở với bà ngoại. Để đảm bảo sự phát triển và sinh sống ổn định của các con chung chưa thành niên, HĐXX giao cho chị X nuôi dưỡng con chung Tiêu Thị Hà N và Tiêu Hà H cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Tạm giao cho bà Vũ Thị T1 nuôi dưỡng trong thời gian chị X ở nước ngoài. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Như vậy là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của các con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X, anh T cùng xác định không có và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị X là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hoàng Thị X** ly hôn anh **Tiêu Hà T.**

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Hoàng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Tiêu Thị Hà N, sinh ngày 15/9/2009 và Tiêu Hà H, sinh ngày 02/7/2012 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị X tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Anh Tiêu Hà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tạm giao cho bà Vũ Thị T1 nuôi dưỡng cháu Tiêu Thị Hà N, sinh ngày 15/9/2009 và Tiêu Hà H, sinh ngày 02/7/2012 trong thời gian chị Hoàng Thị X ở nước ngoài.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị X phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0001652 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do bà Vũ Thị T1 nộp thay).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị X và anh Tiêu Hà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; bà Vũ Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cẩm Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân